

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/DS-ST

Ngày 26/11/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lê Thị Thanh Cường**

2/ Ông **Ngô Xuân Dệt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thắng Trinh**.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 143/2019/TLST-DS ngày 19/4/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019 và Thông báo số: 66/TB-TĐXX ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng B.

Địa chỉ trụ sở: 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức Tú. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T- Phó giám đốc Phòng giao dịch Pleiku thuộc Chi nhánh Ngân hàng B Nam Gia Lai.

Địa chỉ Chi nhánh: 139 Hoàng Văn Thụ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Theo văn bản ủy quyền số 295/QĐ-BIDV.NGL ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Ông Thiện có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 10/19 đường H, tổ 02, phường T, thành phố P, tỉnh GL. Vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị Trúc K, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 10/19 đường H, tổ 02, phường T, thành phố P, tỉnh GL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1534826/HĐTD ngày 20/09/2016, Ngân hàng B – Chi nhánh Nam Gia Lai đã ký hợp đồng tín dụng và cho ông Nguyễn Văn D vay số tiền là: 540,000,000 đồng (năm trăm bốn mươi triệu đồng); mục đích vay: Mua xe ô tô tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm cố định đến ngày 31/8/2017, sau đó được điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng; trả nợ gốc, trả nợ lãi theo kỳ (03 tháng/kỳ).

Để bảo đảm cho khoản vay nói trên, ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Trúc K đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/1534826/HĐBĐ ngày 20/09/2016. Cụ thể là: Xe ô tô Biển kiểm soát: 81C-108.49; nhãn hiệu: MITSUBISHI; số khung: KL30GH016639. Sau khi ký hợp đồng thế chấp, ông D, bà K đã bàn giao giấy tờ gốc chứng nhận quyền sử hữu của chiếc xe thế chấp trên cho Ngân hàng giữ. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng, ngày 20 tháng 9 năm 2016.

Ông Nguyễn Văn D đã vi phạm cam kết không trả nợ lãi và nợ gốc từ ngày 25/9/2017 (kỳ thứ 4), mặc dù Ngân hàng B – Chi nhánh Nam Gia Lai đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn D đến làm việc để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không đạt kết quả. Hiện nay ông Nguyễn Văn D đã đi khỏi nơi cư trú cùng với chiếc xe ô tô thế chấp mà không báo với Ngân hàng.

Nay Ngân hàng B yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải trả nợ tính đến ngày 26/11/2019 số tiền **tổng cộng là: 567.891.000 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 459.000.000 đồng, nợ lãi 101.963.000 đồng, lãi quá hạn 6.928.000 đồng và lãi phát sinh** theo theo hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn D không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2016/1538426/HĐBĐ ngày 20/9/2016 để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn D và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Trúc K, quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để ông D và bà K đến Tòa án làm việc, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nhưng ông D, bà K vẫn không đến Tòa nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Nguyên đơn đã đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi, đồng thời nguyên đơn

cũng chứng minh việc ký kết hợp đồng thế chấp là hợp pháp nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng B có đơn yêu cầu tòa án giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với ông Nguyễn Văn D. Địa chỉ: 10/19 đường H, tổ 02, phường T, thành phố P, tỉnh GL. Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Trúc K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/1534826/HĐTD ngày 20/09/2016, giữa Ngân hàng B – Chi nhánh Nam Gia Lai với ông Nguyễn Văn D được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn D phải trả số nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền tính đến ngày **26/11/2019 là: 567.891.000 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 459.000.000 đồng, nợ lãi 101.963.000 đồng, lãi quá hạn 6.928.000 đồng** và nợ lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Theo hợp đồng tín dụng số: 01/2016/1534826/HĐTD ngày 20/9/2016, các bên đã ký, thì bên vay phải trả nợ gốc và lãi theo kỳ (03 tháng/kỳ). Nhưng ông D đã vi phạm cam kết không trả nợ lãi và nợ gốc từ ngày 25/9/2017 (kỳ thứ 4). Việc tính lãi, điều chỉnh lãi, chuyển nợ quá hạn nguyên đơn đã thực hiện đúng theo hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở và được chấp nhận

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, khi ông Nguyễn Văn D không trả được nợ. Để bảo đảm cho khoản vay nói trên, ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Trúc K đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/1534826/HĐBĐ ngày 20/09/2016. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng vào ngày 20 tháng 9 năm 2016. Xét thấy hợp đồng thế chấp được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đã được công chứng, đăng ký bảo đảm, nội dung và hình thức đúng quy

định của pháp luật nên yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn có cơ sở và được chấp nhận.

[5] Từ khi thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo trình tự giải quyết vụ án dân sự, nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Trúc K không đến Tòa để trình bày ý kiến, điều này thể hiện ông D, bà K đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng B được chấp nhận, ông Nguyễn Văn D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 26.715.640 đồng. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp ông Nguyễn Văn D phải chịu 4.600.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp nên ông Nguyễn Văn D phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 274, Điều 280, Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 321; Điều 323; Điều 385; Điều 397; Điều 401; Điều 463 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 91; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng B.

Buộc ông Nguyễn Văn D phải trả cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/1534826/HĐTD ngày 20/09/2016, tính đến ngày 26/11/2019 số tiền là: **567.891.000 đồng (năm trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi một ngàn đồng)**. Trong đó gồm: Nợ gốc: 459.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi chín triệu đồng), nợ lãi 101.963.000 đồng (một trăm lẻ một triệu, chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng), lãi quá hạn 6.928.000 đồng (sáu triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Trường hợp ông Nguyễn Văn D không trả được hết số nợ trên, thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/1534826/HĐBĐ ngày 20/09/2016 đã ký giữa Ngân hàng B – Chi nhánh Nam Gia Lai với ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Trúc K.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều

chính lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Văn D phải trả lại cho Ngân hàng B số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn D phải chịu 26.715.640 đồng (hai mươi sáu triệu, bảy trăm mười lăm ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.460.000 đồng (mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) , theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0001346 ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- UBND xã Biển Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa